

Số: 110/2022/QĐST-HNGĐ

Điện Biên, ngày 20 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ
THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 179/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Lò Thị H**, sinh năm 1979. Địa chỉ: Bản C, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Anh **Lò Văn T**, sinh năm 1970. Nơi ĐKKHKT: Đoàn 379 Sĩ P, huyện M, tỉnh Điện Biên. Chỗ ở hiện nay: Bản C, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 58 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Lò Thị H và anh Lò Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lò Thị H và anh Lò Văn T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung:

Chị Lò Thị H và anh Lò Văn T có 02 con chung là Lò Minh T, sinh ngày 07/09/2001 và Lò Ngọc D, sinh ngày 16/03/2011. Cháu T đã thành niên và có khả năng lao động nên chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Diệp đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác.

Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D cùng chị H với mức với mức 2.000.000đ/tháng, thời điểm cấp dưỡng từ ngày 01/10/2022, thanh toán vào ngày

15 hàng tháng cho đến khi cháu D thành niên và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T không tự nguyện thi hành đối với khoản cấp dưỡng thì anh T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Khoản 2 Điều 468/BLDS năm 2015.

2.3. Về quan hệ tài sản:

Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ lấy về; Nợ phải trả; Diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS năm 2015; Điểm a khoản 5, Điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH: Mỗi bên đương sự phải chịu 75.000đ án phí DSST, anh Thủy phải chịu 150.000đ án phí DSST của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Nhưng chị H tự nguyện chịu cả phần án phí DSST và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh T, tổng số tiền án phí DSST chị Hạnh phải nộp là 300.000đ được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí DSST chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo biên lai thu tiền số 0004999 ngày 01/7/2022, chị H đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự báo cho người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự biết: Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện B;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ.;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bạc Thị Liên